

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### I. THÔNG TIN VỀ NHÀ TRƯỜNG

#### 1. Giới thiệu về Học viện

##### a) Giới thiệu chung

Học viện Kỹ thuật Quân sự là trường đại học trọng điểm quốc gia đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy trung ương, Bộ Quốc phòng, sự chỉ đạo nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện có nhiệm vụ đào tạo cán bộ kỹ thuật, chỉ huy tham mưu kỹ thuật có trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho quân đội. Đồng thời, Học viện có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ quân sự, kết hợp nghiên cứu với triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ với sản xuất, và thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội.

Song song với các nhiệm vụ đào tạo, phục vụ quân đội, Học viện còn được Nhà nước giao đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quá trình hình thành và phát triển của Học viện gắn với một số mốc lịch sử chính như sau:

- Ngày 08 tháng 8 năm 1966 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập cơ sở đào tạo kỹ sư quân sự trực thuộc Đại học Bách khoa Hà nội (Phân hiệu 2 - Đại học Bách khoa Hà Nội)

- Ngày 28 tháng 10 năm 1966, tổ chức Lễ thành lập Phân hiệu 2 - Đại học Bách khoa Hà Nội, và ngày này là ngày truyền thống của Học viện.

- Ngày 18 tháng 10 năm 1968, Phân hiệu 2 Đại học Bách khoa Hà Nội được chuyển tên thành Đại học Kỹ thuật Quân sự.

- Ngày 15 tháng 12 năm 1981, theo Quyết định số 412/QĐ-QP, Học viện Kỹ thuật Quân sự được thành lập trên cơ sở trường Đại học Kỹ thuật Quân sự.

- Từ năm 2002, Học viện được nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo hệ dân sự ở các bậc học phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tháng 01 năm 2008, Học viện được Nhà nước công nhận là một trong 15 trường Đại học trọng điểm Quốc gia.

### *b) Thành tích tiêu biểu*

Hơn 50 năm phấn đấu và trưởng thành, Học viện đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng:

- 01 Huân chương Độc lập hạng nhì – năm 2016
- Huân chương Hồ Chí Minh – năm 2011.
- Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân – năm 2005.
- 01 Huân chương Độc lập hạng nhất – năm 2001.
- 01 Huân chương Độc lập hạng ba – năm 1991.
- 01 Huân chương Lao động hạng ba – năm 1969.
- 02 Huân chương Quân công hạng nhất – năm 1984 và 1996.
- 01 Huân chương Quân công hạng nhì – năm 1976.
- 01 Huân chương Chiến công hạng nhất – năm 2003.
- 01 Huân chương Chiến công hạng nhì – năm 1979.
- 01 Huân chương Chiến công hạng ba – năm 1974.

### *c) Các trụ sở làm việc của Học viện*

- Trụ sở chính: Số 236, đường Hoàng Quốc Việt, Thành phố Hà Nội.
- Khu Xuân Phương: đường Kiều Mai, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện phía Nam: Số 71, đường Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm huấn luyện thực hành 125: Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Trung tâm dã ngoại: Đông Xuân, Thạch Thất, TP Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 043 8362 569 hoặc 069 698 262.
- Website: [http:// www.mta.edu.vn](http://www.mta.edu.vn)

## **2. Đối tượng, ngành Đào tạo**

### *a) Đối tượng đào tạo*

Đối với đào tạo đại học, Học viện đào tạo 02 đối tượng gồm:

- **Hệ kỹ sư Quân sự:** Đào tạo theo chỉ tiêu phân công của Bộ Quốc phòng, học viên được bao cấp toàn bộ, sau khi tốt nghiệp được Bộ Quốc phòng phân công công tác.

- **Hệ kỹ sư Dân sự:** Đào tạo đại học chính qui theo nhiều ngành thuộc các lĩnh vực Điện, điện tử, Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá, Điện tử y sinh, Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ Chế tạo máy, Kỹ thuật

ô tô, Máy xây dựng), Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ hoá học, Kỹ thuật môi trường... Tổ chức và quản lý đào tạo như các trường đại học công lập trong cả nước.

b) Ngành đào tạo.

(Có phụ lục kèm theo)

### 3. Quy mô đào tạo và số sinh viên đã tốt nghiệp trong 5 năm.

#### 3.1 Qui mô hiện tại:

- Đào tạo tiến sĩ: 230 nghiên cứu sinh.
- Đào tạo thạc sĩ: 1.231 sinh viên.
- Đào tạo đại học: 8344 sinh viên.
- Đào tạo cao đẳng: 581 sinh viên.

#### 3.2 Sinh viên đã tốt nghiệp trong 05 năm (từ 2010 và 2015)

- Đào tạo đại học: 5722 sinh viên.
- Đào tạo cao đẳng: 692 sinh viên.

### 4. Thông tin tuyển sinh năm 2015 và 2016.

#### 4.1 Phương thức tuyển sinh năm 2015 và năm 2016.

Năm 2015 và năm 2016 Học viện xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia tại cụm thi do trường đại học chủ trì.

#### 4.2 Điểm trúng tuyển năm 2015 và năm 2016.

TT	Nhóm ngành/Ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2015			Năm 2016		
		Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
<b>I. Đào tạo kỹ sư quân sự</b>		<b>385</b>	<b>384</b>		<b>400</b>	<b>352</b>	
<b>1. Nguyên vọng I</b>			<b>384</b>			<b>262</b>	
1	Nam miền Bắc: A00		285	26,0		147	26,5
2	Nam miền Bắc: A01		22	24,75		33	24,75
3	Nữ TN Miền Bắc: A00		5	28,25		3	28,25
4	Nữ TN Miền Bắc: A01		2	27,25		1	28,0
5	Nam TN Miền Nam: A00		43	24,75		50	24,0
6	Nam TN Miền Nam: A01		5	23,25		8	23,25
7	Nữ TN Miền Nam: A00		3	27,25		1	27,0
8	Nữ TN Miền Nam: A01		2	26,5		1	28,0
9	Tuyển thẳng: Nam TN		22			14	

TT	Nhóm ngành/Ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2015			Năm 2016		
		Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
10	Tuyển thẳng: Nữ TN		2			2	
11	Ưu tiên XT:		1			2	
<b>2. Nguyên vọng bổ sung đợt 1</b>						<b>90</b>	
1	Nam TN Miền Bắc: A00					78	24,75
2	Nam TN Miền Bắc: A01					4	23,0
3	Nam TN Miền Nam: A00					8	22,0
4	Nam TN Miền Nam: A01					0	23,75
<b>II. Đào tạo Kỹ sư dân sự</b>		<b>1590</b>	<b>1512</b>		<b>1850</b>	<b>1496</b>	
<b>1. Nguyên vọng 1</b>			<b>1475</b>			<b>1263</b>	
1	Khoa học máy tính: A00	80	59	20.25	100	65	19.25
2	Khoa học máy tính: A01		10	18.25			21
3	TT & mạng máy tính: A00	80	71	20.75	100	76	21
4	TT & mạng máy tính: A01		12	19.75			21.25
5	Kỹ thuật phần mềm: A00	80	69	22.5	100	70	22.5
6	Kỹ thuật phần mềm: A01		9	21.75			22.5
7	Hệ thống thông tin: A00	80	71	19.75	100	82	19.75
8	Hệ thống thông tin: A01		13	18			20
9	Công nghệ thông tin: A00	80	76	23.5	100	62	23.5
10	Công nghệ thông tin: A01		15	22.5			23.5
11	Công nghệ KT Hóa học: A00	120	92	17.5	100	57	16
12	Công nghệ KT Hóa học: D07		2	15			15
13	Kỹ thuật Cơ khí: A00	270	237	19.25	310	238	18.5
14	Kỹ thuật Cơ khí: A01		27	16.75			18.5
15	Kỹ thuật Cơ điện tử: A00	120	105	20	160	138	19.75
16	Kỹ thuật Cơ điện tử: A01		11	19.25			19.5
17	Kỹ thuật điện-điện tử: A00	240	213	20.5	250	167	20
18	Kỹ thuật điện, điện tử: A01		12	18.75			20
19	Kỹ thuật ĐK & TĐH: A00	200	186	21.5	250	174	21.25
20	Kỹ thuật ĐK & TĐH: A01		27	19.25			21.25

TT	Nhóm ngành/Ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2015			Năm 2016		
		Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
21	Kỹ thuật XD & CTGT: A00	120	66	17.5	100	40	16
22	Kỹ thuật XD & CTGT: A01		1	20.5			16
23	Kỹ thuật Xây dựng: A00	120	79	18.5	120	77	17.5
24	Kỹ thuật Xây dựng: A01		12	15			18.5
25	Kỹ thuật môi trường: A00				60	17	16
26	Kỹ thuật môi trường: D07						17
<b>2. Nguyên vọng bổ sung 1</b>			<b>37</b>			<b>233</b>	
1	Kỹ thuật XD & CTGT: A00		13	25.25			
2	Kỹ thuật Xây dựng: A00		24	24.5			
3	Khoa học máy tính: A00					22	19.25
4	Khoa học máy tính: A01						18.25
5	TT & mạng máy tính: A00					7	17.75
6	TT & mạng máy tính: A01						18
7	Kỹ thuật phần mềm: A00					17	18.75
8	Kỹ thuật phần mềm: A01						19.75
9	Hệ thống thông tin: A00					8	18.5
10	Hệ thống thông tin: A01						18.5
11	Công nghệ thông tin: A00					21	22.25
12	Công nghệ thông tin: A01						20.25
13	Công nghệ KT Hóa học: A00					4	16
14	Công nghệ KT Hóa học: D07						15.25
15	Kỹ thuật Cơ khí: A00					43	19
16	Kỹ thuật Cơ khí: A01						17.25
17	Kỹ thuật Cơ điện tử: A00					10	21.25
18	Kỹ thuật Cơ điện tử: A01						19.75
19	Kỹ thuật điện-điện tử: A00					41	17.5
20	Kỹ thuật điện-điện tử: A01						16
21	Kỹ thuật ĐK & TĐH: A00					38	17
22	Kỹ thuật ĐK & TĐH: A01						18.5

TT	Nhóm ngành/Ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2015			Năm 2016		
		Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
23	Kỹ thuật XD & CTGT: A00				5	16	
24	Kỹ thuật XD & CTGT: A01					15	
25	Kỹ thuật Xây dựng: A00				15	16	
26	Kỹ thuật Xây dựng: A01					15	
27	Kỹ thuật môi trường: A00				2	17.25	
28	Kỹ thuật môi trường: D07					15.25	

## II. THÔNG TIN VỀ KỲ TUYỂN SINH NĂM 2017

### 1. Đối tượng tuyển sinh

#### 1.1 Đào tạo kỹ sư quân sự

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ Quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh).

Các đối tượng trên có nguyện vọng đăng ký dự tuyển, đơn vị tổ chức sơ tuyển, lập hồ sơ sơ tuyển, trường hợp đủ tiêu chuẩn, gửi đến các trường và Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng theo đúng quy trình và bảo đảm đủ quân số thực hiện nhiệm vụ và sẵn sàng chiến đấu.

b) Nam thanh niên ngoài Quân đội (kể cả quân nhân đã xuất ngũ), số lượng đăng ký dự tuyển không hạn chế.

c) Nữ thanh niên ngoài Quân đội và nữ quân nhân.

Tuyển không quá 06% trên tổng chỉ tiêu vào đào tạo các ngành: Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Điện tử Y sinh, Khí tài quang, Địa tin học.

#### 1.2. Đào tạo kỹ sư dân sự

Thực hiện theo Điều 6 Quy chế tuyển sinh đại học cao đẳng hệ chính qui của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

### 3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2017.

### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

#### 4.1. Chỉ tiêu đào tạo Kỹ sư quân sự

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã Ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
<b>HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ</b>	<b>KQH</b>	<b>D860210</b>	<b>488</b>	
<i>- Thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Bắc</i>			<b>390</b>	
+ Xét tuyển thí sinh Nam			<b>332</b>	
+ Xét tuyển thí sinh Nữ			<b>15</b>	
+ Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nam			<b>39</b>	
+ Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nữ			<b>04</b>	
<i>- Thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam</i>			<b>98</b>	
+ Xét tuyển thí sinh Nam			<b>83</b>	
+ Xét tuyển thí sinh Nữ			<b>04</b>	
+ Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nam			<b>10</b>	
+ Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nữ			<b>01</b>	

#### **4.2. Chỉ tiêu đào tạo Kỹ sư dân sự**

TT	Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
<b>ĐÀO TẠO KỸ SƯ DÂN SỰ</b>		<b>DQH</b>		<b>600</b>	
1	Công nghệ thông tin		D480201	130	
2	Kỹ thuật phần mềm		D480103	70	
3	Kỹ thuật điện, điện tử		D520201	140	
4	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá		D520216	140	
5	Kỹ thuật Cơ điện tử		D520114	60	
6	Kỹ thuật xây dựng		D580208	60	

#### **5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển**

Học viện thông báo sau khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2017.

#### **6. Các thông tin đăng ký xét tuyển và xét tuyển**

##### **6.1 Đăng ký xét tuyển đào tạo kỹ sư quân sự**

##### **a) Thủ tục hồ sơ ĐKXT**

Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào đào tạo kỹ sư quân sự cần phải làm **02 bộ hồ sơ** (hồ sơ sơ tuyển và hồ sơ đăng ký dự thi THPT, xét tuyển đại học):

- Hồ sơ sơ tuyển: Thí sinh làm thủ tục sơ tuyển và nộp hồ sơ tại Ban chỉ huy quân sự quận, huyện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Học viện chỉ xét tuyển các thí sinh đã được kết luận đủ điều kiện chính trị, sức khoẻ... theo qui định của Bộ Quốc phòng. Thời gian từ ngày 01/3/2017 đến hết ngày 23/4/2017.

- Hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia và đăng ký xét tuyển đại học: Thí sinh làm hồ sơ này tại các địa điểm theo qui định của Sở Giáo dục và Đào tạo (tại Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT, phòng Giáo dục).

**Chú ý:**

- *Thí sinh chỉ được làm 01 bộ hồ sơ sơ tuyển để nộp vào 01 trường trong Quân đội.*

- *Học viện chỉ xét tuyển các thí sinh được kết luận đã hoàn thiện thủ tục sơ tuyển vào Học viện và **đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào Học viện**, ngoài nguyện vọng 1 thí sinh được phép đăng ký vào các trường đại học khác trong cả nước hoặc hệ đào tạo kỹ sư dân sự của Học viện theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

b) *Thông tin đăng ký xét tuyển.*

- Ký hiệu trường: **KQH**

- Mã ngành: **D860210**

- Tổ hợp xét tuyển: **A00** (Toán, Vật lý, Hoá học) và **A01** (Toán, Vật lý, tiếng Anh),

c) *Thời gian làm hồ sơ đăng ký*

- Thí sinh đăng ký sơ tuyển từ ngày 01/3/2017 đến ngày 23/4/2017.

- Thí sinh đăng ký dự Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Chú ý:**

- *Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội thực hiện đăng ký sơ tuyển trước hoặc sau khi đăng ký dự Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia.*

- *Thí sinh là quân nhân đang tại ngũ phải qua sơ tuyển đủ tiêu chuẩn mới được đăng ký dự Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia.*

d) *Điểm xét trúng tuyển.*

- Điểm xét trúng tuyển xác định theo giới tính (nam, nữ) và vùng miền (miền Bắc, miền Nam).

- Thực hiện một điểm xét trúng tuyển chung cho 02 tổ hợp A00 và A01.

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ, như sau:



- + Tiêu chí 1: Thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.
- + Tiêu chí 2: Sau khi xét Tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có Tiêu chí 1 như nhau, thì xét đến Tiêu chí 2, như sau: Thí sinh có điểm thi môn Lý cao hơn sẽ trúng tuyển
- + Tiêu chí 3: Sau khi xét Tiêu chí 2, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2 như nhau thì xét đến Tiêu chí 3, như sau: Thí sinh có điểm thi môn Hóa hoặc môn tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển.

Khi xét đến tiêu chí 3 vẫn chưa đủ chỉ tiêu, Học viện sẽ quyết định tuyển nguyện vọng bổ sung hoặc báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

*d) Đào tạo liên kết trong nước và ngoài nước.*

Tuyển 65 chỉ tiêu đi đào tạo ở nước ngoài và 33 chỉ tiêu đi đào tạo tại các trường đại học trong nước (Đại học Bách khoa Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh).

**6.2 Đăng ký xét tuyển đào tạo Kỹ sư dân sự**

Thực hiện theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

*a) Thủ tục hồ sơ ĐKXT.*

Hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia và đăng ký xét tuyển đại học: Thí sinh làm hồ sơ ĐKXT tại các địa điểm theo qui định theo qui định của Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT, phòng Giáo dục).

*b) Thông tin đăng ký xét tuyển.*

- Ký hiệu trường: **DQH**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

<b>TT</b>	<b>Tên trường, Ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển</b>
1	Công nghệ thông tin	D480201	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh
2	Kỹ thuật phần mềm	D480103	
3	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	
4	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá	D520216	
5	Kỹ thuật Cơ điện tử	D520114	
6	Kỹ thuật xây dựng	D580208	

*c) Thời gian làm hồ sơ đăng ký xét tuyển:* Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*d) Điểm trúng tuyển.*

- Điểm trúng tuyển xét theo ngành và thực hiện một điểm xét trúng tuyển chung cho 02 tổ hợp A00 và A01.

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ, như sau:

+ Tiêu chí 1: Thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.

+ Tiêu chí 2: Sau khi xét Tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có Tiêu chí 1 như nhau, thì xét đến Tiêu chí 2, như sau: Thí sinh có điểm thi môn Lý cao hơn sẽ trúng tuyển

+ Tiêu chí 3: Sau khi xét Tiêu chí 2, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2 như nhau thì xét đến Tiêu chí 3, như sau: Thí sinh có điểm thi môn Hóa hoặc môn tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển.

Khi xét đến Tiêu chí 3 vẫn chưa đủ chỉ tiêu, Học viện sẽ quyết định tuyển nguyện vọng bổ sung hoặc báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

## **7. Tổ chức tuyển sinh**

- Tuyển sinh đợt 1: Học viện thực hiện theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh theo dõi thông tin xét tuyển tại website của Học viện.

- Sau khi có kết quả xét trúng tuyển, thí sinh cần phải nộp Giấy chứng nhận kết quả thi bản chính về Học viện để xác nhận nhập học theo địa chỉ: ***Phòng Đào tạo/Học viện Kỹ thuật Quân sự; Số 236, đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.***

- Trong đợt xét tuyển bổ sung (nếu có): Học viện sẽ có thông báo sau.

## **8. Chính sách ưu tiên**

*a) Khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên*

Thực hiện theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*b) Tuyển thẳng*

Học viện không tuyển thẳng đối tượng đạt giải khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, các nội dung khác Học viện sẽ thông báo khi có hướng dẫn về tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

*c) Ưu tiên xét tuyển*

Thực hiện theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **9. Lệ phí xét tuyển**

Thực hiện theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### III. CÁC THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

#### 1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
<b>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại:</b> Với gần 200 phòng học phổ thông từ 40 chỗ đến 120 chỗ, các phòng học được đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị dạy học đồng bộ như máy chiếu, hệ thống âm li... đảm bảo phục vụ tốt cho các đối tượng đào tạo.	10,150
<b>Thư viện, trung tâm học liệu:</b> Thư viện có hệ thống cơ sở vật chất và trang bị thông tin đồng bộ gồm các phòng đọc, phòng tra cứu Internet. Hệ thống thư viện điện tử với cơ sở dữ liệu nhiều giáo trình, tài liệu, máy chủ và máy trạm khai thác dữ liệu trực tuyến trên Internet...	4,170
<b>Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà xưởng đa năng, xưởng thực tập, trung tâm công nghệ...:</b> phục vụ học viên, sinh viên thí nghiệm thực hành các học phần	12,100
<b>Khu thể thao</b> gồm sân vận động, bể bơi, sân tennis, sân bóng chuyền, phòng tập thể lực, nhà thi đấu bóng chuyền, cầu lông...	17,800
<b>Ký túc xá:</b> Học viên đào tạo kỹ sư quân sự 100% ở trong ký túc xá, ngoài ra Học viện có một phần chỗ ở cho sinh viên đào tạo kỹ sư dân sự năm thứ nhất.	26,072

#### 2. Giảng viên theo nhóm ngành

STT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	+
1	Khối ngành I						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III						
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V	8	62	248	387	258	<b>963</b>
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII	1	6	18			<b>25</b>
<b>Tổng số</b>		<b>9</b>	<b>68</b>	<b>266</b>	<b>387</b>	<b>258</b>	<b>988</b>
<b>Số GV qui đổi</b>		<b>45</b>	<b>204</b>	<b>532</b>	<b>387</b>	<b>129</b>	<b>1297</b>

### 3. Học phí và lộ trình tăng học phí

Học phí đối với đào tạo sinh viên dân sự thực hiện theo qui định của Nhà nước đối với các trường đại học công lập, cụ thể như sau:

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Thời điểm tăng học phí	Tháng 8/2016	Tháng 8/2017	Tháng 8/2018	Tháng 8/2019	Tháng 8/2020
Học phí theo 01 tín chỉ	225,000 VNĐ	250,000 VNĐ	280,000 VNĐ	310,000 VNĐ	345,000 VNĐ
Học phí theo 01 tháng	730,000 VNĐ	810,000 VNĐ	910,000 VNĐ	1,005,000 VNĐ	1,120,000 VNĐ

### 4. Quá trình sàng lọc và tỉ lệ việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2015

Ngành	Tổng số sinh viên tốt nghiệp	Tình trạng việc làm			Khu vực việc làm			
		Số sinh viên có việc làm	Số sinh viên chưa có việc làm đang học nâng cao	Số sinh viên chưa có việc làm	Cơ quan Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
Kỹ thuật cơ khí	130	114	5	11	6	80	16	12
Kỹ thuật cơ điện tử	89	88	0	01	8	50	22	08
Kỹ thuật điện, điện tử	197	179	13	5	78	26	75	0
Kỹ thuật ĐK&TĐH	50	43	1	6	12	21	4	6
Kỹ thuật xây dựng	226	175	15	36	55	60	15	45
Công nghệ thông tin	189	189	0	0	26	110	48	05
<b>Tổng</b>	<b>881</b>	<b>788</b>	<b>34</b>	<b>59</b>	<b>185</b>	<b>347</b>	<b>180</b>	<b>76</b>

**GIÁM ĐỐC**

**Thiếu tướng, GS.TSKH Nguyễn Công Định**

**Phụ lục**  
**GIỚI THIỆU CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO**  
*(Kèm theo Đề án tuyển sinh năm 2017)*

**I. NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Mục tiêu:**

Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin (CNTT) được xây dựng trên cơ sở khung chương trình đào tạo CNTT bậc đại học của tổ chức ACM/và IEEE Computer Society (Mỹ). Khung chương trình này đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều nước như Mỹ, Canada, Australia và Nhật Bản.

Mục tiêu là đào tạo ra các chuyên viên CNTT với trình độ đại học, có khả năng triển khai, tích hợp và quản trị các công nghệ tính toán cho các cơ quan, tổ chức. Cụ thể sinh viên sẽ có:

- Khả năng áp dụng kiến thức về toán học cũng như tính toán trong công việc, trong đó trọng tâm là việc phân tích bài toán, và vạch ra các yêu cầu về tính toán cho các giải pháp CNTT.

- Khả năng thiết kế, thực hiện, và đánh giá các hệ thống tính toán và máy tính nhằm thỏa mãn các yêu cầu đề ra.

- Khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

- Hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, luật pháp, và trách nhiệm cá nhân.

- Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng khác nhau.

- Khả năng phân tích các tác động của công nghệ tính toán lên cá nhân, tổ chức và xã hội.

- Khả năng tích hợp hiệu quả các giải pháp CNTT trong môi trường người sử dụng.

- Hiểu biết về phương pháp làm việc, các tiêu chuẩn và ứng dụng.

- Khả năng hỗ trợ việc lập các dự án CNTT một cách hiệu quả.

- Ý thức phát triển trình độ chuyên môn.

**Hướng phát triển:**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ trên đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ;

- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ để đảm nhận các chức vụ cao hơn trong quản lý công nghệ thông tin: quản lý dự án (Project Manager), nhà thiết kế hệ thống (System Designer), hay cán bộ quản lý thông tin – CIO, ...

**II. NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM**

**Mục tiêu:**

- Đào tạo ra các chuyên viên Kỹ thuật phần mềm (KTPM) với trình độ đại học (kỹ sư kỹ thuật phần mềm) có khả năng phát triển và triển khai các hệ thống phần mềm chuyên

ng nghiệp; có khả năng hòa nhập với môi trường công tác; có trình độ tiếng anh đủ khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế; có nhận thức tốt về đạo đức nghề nghiệp; và ý chí rèn luyện và học tập không ngừng.

- Chương trình đào tạo KTPM được xây dựng trên cơ sở khung chương trình đào tạo KTPM bậc đại học của tổ chức ACM/và IEEE Computer Society (Mỹ) đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều nước như Mỹ, Canada, Australia và Nhật Bản; và tuân thủ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Có kiến thức cơ bản về toán học, xác suất thống kê, và khoa học kỹ thuật.

- Có kiến thức cơ sở vững chắc về ngành kỹ thuật phần mềm cũng như lĩnh vực máy tính và công thông tin.

- Có kiến thức về các lý thuyết, mô hình, quy trình, phương pháp, và kỹ thuật công nghệ trong phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai, kiểm thử, bảo trì và quản lý dự án phần mềm.

- Có hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, luật pháp, và trách nhiệm cá nhân.

- Có hiểu biết về ảnh hưởng của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội và trên phạm vi toàn cầu.

- Có nhận thức đúng đắn về việc không ngừng học tập phát triển trình độ chuyên môn.

#### **Kỹ năng cứng**

- Khả năng áp dụng kiến thức về toán học cũng như khoa học kỹ thuật trong công việc, trong đó trọng tâm là Phát triển phần mềm.

- Khả năng thiết kế, thực hiện các thử nghiệm và đánh giá các dữ liệu thử nghiệm trong quá trình Phát triển phần mềm nhằm thỏa mãn các yêu cầu đề ra.

- Khả năng thiết kế các hệ thống phần mềm đáp ứng các ràng buộc và yêu cầu thực tế.

- Khả năng phân tích, hình thành và giải quyết các bài toán kỹ thuật.

- Khả năng sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại trong quá trình phát triển phần mềm.

- Khả năng hỗ trợ việc lập các dự án phần mềm một cách hiệu quả.

#### **Kỹ năng mềm**

- Khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

- Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng khác nhau.

- Khả năng tự đào tạo nâng cao kiến thức.

### **III. NGÀNH ĐIỆN, ĐIỆN TỬ/CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

#### **Mục tiêu:**

Chuyên ngành kỹ thuật điện tử viễn thông cho phép sinh viên có nhiều lựa chọn trong

các lĩnh vực mà sinh viên quan tâm, bao gồm kỹ thuật điện tử, kỹ thuật viễn thông, xử lý tín hiệu...

Sinh viên được trang bị các kiến thức về thiết kế, phân tích, kiểm tra các thiết bị điện tử và hệ thống viễn thông. Chương trình đào tạo chia thành hai phần chính: kỹ thuật điện tử chung và kỹ thuật viễn thông.

Trong phần kỹ thuật viễn thông sinh viên được học về xử lý tín hiệu, kỹ thuật truyền tin ở các dạng khác nhau như tiếng nói, âm nhạc, dữ liệu,... giữa người hoặc máy ở các vị trí, khoảng cách khác nhau qua các thiết bị điện tử. Trong phần này sinh viên được học về lý thuyết trường điện từ và kỹ thuật siêu cao tần, anten và truyền sóng, xử lý tín hiệu, kỹ thuật thu phát vô tuyến điện, các hệ thống thông tin vô tuyến, kỹ thuật chuyển mạch và truyền số liệu, mạng viễn thông...

Khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc, bảo dưỡng, nghiên cứu, thiết kế, đánh giá các hệ thống điện tử và viễn thông. Được trang bị cả về kỹ thuật và ngoại ngữ các sinh viên sau khi ra trường có thể tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức và phát triển kỹ thuật điện tử viễn thông.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể:

- Tiếp tục học tập bồi dưỡng sau đại học.

- Tìm việc trong lĩnh vực điện tử viễn thông như: các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng, các công ty điện tử viễn thông, ngân hàng, nhà máy chế tạo thiết bị điện tử và máy tính,...

- Học thêm một số chuyên ngành khác như: điều khiển tự động, điện tử y sinh, công nghệ thông tin và cơ điện tử... chỉ cần học để nhận thêm một số tín chỉ nhất định (chi tiết sinh viên có thể tham khảo các chương trình đào tạo của các chuyên ngành mà sinh viên quan tâm).

#### **IV. NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ**

##### **Mục tiêu**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức khoa học cơ bản toàn diện, kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành cơ bản để nhanh chóng tham gia vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt, thiết kế và xây dựng các dự án phát triển và ứng dụng Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa trong các lĩnh vực công nghiệp và kinh tế quốc dân, các lĩnh vực về thiết bị điện tử trong y tế...

Học tập trong ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa bạn được đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về thiết kế, xây dựng, khai thác, vận hành, sử dụng, bảo trì các hệ thống điều khiển và tự động hóa; hệ thống truyền động điện; hệ thống truyền thông công nghiệp, hệ thống đo lường thông minh, thiết bị hiện tử cơ bản cho đến hiện đại trong y tế....Cụ thể như nghiên cứu, thiết kế, vận hành các hệ thống tự động, các dây chuyền sản xuất tự động tại các nhà máy (xi măng, sắt thép, nước giải khát, dược phẩm,...); thiết kế, điều khiển và chế tạo robot, điều khiển các thiết bị và hệ thống tự

động; Tự động hóa sản xuất và truyền thông trong công nghiệp; Lĩnh vực chế tạo và điều khiển robot;...

Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có ba chuyên ngành đào tạo kỹ sư đầu ra gồm

- + Ngành Điều khiển công nghiệp
- + Ngành Tự động hóa
- + Điện tử y sinh

### **Hướng phát triển**

Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, sinh viên có thể tìm được việc làm với các vị trí như: chuyên viên tư vấn, thiết kế, phân tích mô phỏng, vận hành kỹ thuật tại các nhà máy điện; công ty thương mại dịch vụ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; đảm nhận vai trò Giám đốc kỹ thuật, Trưởng bộ phận kỹ thuật tại các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước về điều khiển và tự động hóa, các bệnh viện, các công ty về trang thiết bị y tế...

- Vận hành và bảo trì: bảo đảm vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống điện, điện tử, tự động; thiết bị và hệ thống tự động của các nhà máy, xí nghiệp; các thiết bị và hệ thống kỹ thuật trong bệnh viện.

- Chuyên gia hệ thống: phân tích nhu cầu về hệ thống điện, tự động hoá của các công ty, nhà máy;

- Chỉ huy các dự án: thiết kế các hệ thống tự động và tham gia thi công các dự án;

- Thiết kế: thiết kế các hệ thống tự động hóa cho nhà máy, xí nghiệp;

- Lập trình ứng dụng: lập các chương trình điều khiển cho hệ vi xử lý, PLC, CNC, các bộ điều khiển lập trình;

- Chuyên gia tư vấn cung cấp các tư vấn, giải pháp trong lĩnh vực tự động, tham gia các chương trình huấn luyện nhân viên và giáo dục đào tạo;

- Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN nơi đào tạo Kỹ sư, Cử nhân và TCKT các ngành Kỹ thuật thuộc lĩnh vực điều khiển và tự động hóa; Điện tử y sinh.

- Có khả năng tiếp tục học tập nghiên cứu ở các trình độ sau đại học : Thạc sĩ, tiến sĩ.

## **V. NGÀNH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ**

### **Mục tiêu:**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật cơ điện tử nhằm mục tiêu đào tạo các kỹ sư cơ điện tử có trình độ chuyên môn cao, hướng tới chuẩn quốc tế, có kỹ năng thực hành giỏi, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thành với Tổ quốc, phục vụ tốt đất nước và xã hội.

Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo như sau:

- Trang bị kiến thức toàn diện bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng;

- Trang bị kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ cơ điện tử. Kỹ sư



cơ điện tử là kiến trúc sư có khả năng thiết kế, sáng tạo các sản phẩm cơ điện tử: các máy, thiết bị, các hệ thống, dây chuyền sản xuất tự động linh hoạt với sự tích hợp các lĩnh vực khoa học kỹ thuật như cơ khí, điện, điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...;

- Rèn luyện khả năng tư duy tổng hợp và hệ thống, thành thạo các kỹ năng thiết kế cơ khí, sử dụng tốt các phần mềm tính toán, đồ họa, mô phỏng, khai thác tốt các phần mềm phân tích, kiểm tra độ bền, kiểm định ứng suất và biến dạng của các chi tiết máy và các bộ phận cấu thành hệ thống cơ điện tử. Khả năng tự lập trình, xây dựng các phần mềm chuyên dụng phục vụ sản xuất và nghiên cứu;

- Trang bị và rèn luyện khả năng tiếp cận, khai thác, ứng dụng các sản phẩm cơ điện tử: rô bốt, các máy CNC,... của các nước tiên tiến trên thế giới. Có khả năng vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, kế thừa và phát triển trên cơ sở các sản phẩm đã có;

- Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo để không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức; khả năng làm việc theo nhóm, khả năng thiết kế, sáng tạo những sản phẩm mới vì lợi ích của cá nhân, của các doanh nghiệp, của tập thể, nhà nước và nhân dân;

- Đáp ứng nhanh nhu cầu về sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao của xã hội, của các doanh nghiệp, của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, xây dựng, quốc phòng.

## **VI. NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

### **Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp**

#### **Mục tiêu:**

Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp có mục tiêu đào tạo các kỹ sư xây dựng có trình độ chuyên môn cao, hướng tới chuẩn quốc tế, có kỹ năng thực hành giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo, hoàn thiện và phát triển nhằm phục vụ tốt đất nước và xã hội. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo như sau:

- Trang bị kiến thức toàn diện bao gồm các khối:

+ Kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng.

- Kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ xây dựng. Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp có khả năng thiết kế kết cấu và tổ chức thi công các công trình xây dựng.

- Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo để không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn về ngành xây dựng.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí công tác như: Tham gia hoặc chủ trì nhóm thiết kế, tổ chức thi công hoặc các lĩnh vực khác trong hoạt động xây dựng; giảng dạy bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề về lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.

